

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 4 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	6 - 38

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.837.282.771.463	1.225.472.797.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	376.864.985.966	37.822.587.227
1. Tiền	111		365.364.985.966	6.422.587.227
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	31.400.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.457.334.248.135	1.165.983.547.506
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.374.208.850	53.390.922.337
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	850.000.000	869.800.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.a	499.242.995.632	389.925.628.040
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	963.409.788.728	754.735.600.706
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(34.542.745.075)	(32.938.403.577)
III. Hàng tồn kho	140	V.8	490.268.859	17.298.527.842
1. Hàng tồn kho	141		490.268.859	17.298.527.842
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.593.268.503	4.368.135.295
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	19.675.003	1.693.672.570
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		906.296.175	1.009.007.260
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.a	1.667.297.325	1.665.455.465
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.730.602.732.159	3.551.865.221.868
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		385.680.000.000	261.080.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.b	385.680.000.000	261.080.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.500.751.303	454.409.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.500.751.303	454.409.453
2. - Nguyên giá	222		6.481.427.016	3.216.170.971
3. - Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.980.675.713)	(2.761.761.518)
4. - Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
5. - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.339.597.498.436	3.286.742.562.357
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10.a	4.339.597.498.436	2.455.670.485.071
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10.b	-	831.072.077.286
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.824.482.420	3.588.250.058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	1.824.482.420	3.588.250.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.567.885.503.622	4.777.338.019.738

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.973.272.100.508	1.763.524.268.333
I. Nợ ngắn hạn	310		1.701.288.441.769	1.280.234.489.011
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	173.482.957.662	173.934.572.992
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	464.708.675.949	464.065.528.778
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.b	239.288.274	262.829.834
4. Phải trả người lao động	314		618.721.428	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	564.005.323	631.347.984
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	718.160.298.399	300.918.425.371
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	341.805.406.465	339.158.493.151
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.709.088.269	1.263.290.901
II. Nợ dài hạn	330		2.271.983.658.739	483.289.779.322
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	2.271.983.658.739	102.581.029.322
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.b	-	380.708.750.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.594.613.403.114	3.013.813.751.405
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2.594.613.403.114	3.013.813.751.405
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	91.212.950.485
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		571.195.054.533	990.395.402.824
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		407.818.608.772	722.895.466.053
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		163.376.445.761	267.499.936.771
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.567.885.503.622	4.777.338.019.738

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán Quý 4 và Lũy kế năm 2023

Mẫu số B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.011.559.972	2.182.361.870	7.857.800.984	7.591.598.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		2.011.559.972	2.182.361.870	7.857.800.984	7.591.598.496
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.054.832.841	1.554.187.009	5.177.093.950	5.262.990.195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		956.727.131	628.174.861	2.680.707.034	2.328.608.301
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	120.260.731.655	161.817.691.811	430.173.678.843	370.571.029.601
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(28.224.830.061)	31.522.582.076	139.267.674.707	87.979.874.548
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(28.224.830.061)	28.062.593.941	139.267.674.707	84.519.886.413
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.079.083.732	11.543.925.689	14.588.315.500	17.737.726.583
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		142.363.205.115	119.379.358.907	278.998.395.670	267.182.036.771
11. Thu nhập khác	31		90.909.091	318.200.000	90.909.091	318.200.000
12. Chi phí khác	32		-	-	-	300.000
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		90.909.091	318.200.000	90.909.091	317.900.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		142.454.114.206	119.697.558.907	279.089.304.761	267.499.936.771
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	52		-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		142.454.114.206	119.697.558.907	279.089.304.761	267.499.936.771

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	279.089.304.761	267.499.936.771
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	410.790.520	347.878.434
Các khoản dự phòng	03	1.693.348.003	10.077.025.525
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(430.173.678.843)	(367.111.041.466)
Chi phí lãi vay	06	139.267.674.707	84.519.886.413
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.712.560.852)	(4.666.314.323)
Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	53.524.717.643	(2.412.068.122)
Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	3.228.365	116.894.832
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	874.072.581.518	5.636.465.251
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	3.437.765.205	(947.214.598)
Tiền lãi vay đã trả	14	(274.793.167.178)	(43.213.749.859)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.229.202.000)	(2.147.440.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	644.303.362.701	(47.633.426.819)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.457.132.370)	(72.336.400)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(551.100.000.000)	(253.543.919.190)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	85.757.382.408	113.161.830.779
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.052.854.936.079)	(3.896.453.288)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	97.505.000.072	110.718.633.156
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	192.869.799.385	157.511.578.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.231.219.198.584)	123.879.333.568

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.362.510.000.000	3.600.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.127.984.141.378)	(61.593.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(308.567.624.000)	(77.141.906.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	925.958.234.622	(135.134.906.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	339.042.398.739	(58.888.999.251)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.822.587.227	96.711.586.478
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	376.864.985.966	37.822.587.227

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,82%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477 - 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28 (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 27).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích khác; xây dựng công trình đường sắt; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ kế toán

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng số cổ phần tương đương với 39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tuấn Lộc, nâng tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ 50% lên 89%, theo đó, Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ công ty liên doanh trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận việc Công ty tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII ("CIIBR O&M"), (tên cũ là Công ty TNHH Dịch vụ MCSC) với số tiền 20 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 66,67% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty CIIBR O&M trở thành công ty con của Công ty từ quý 3 năm nay.

Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành nghị quyết cho phép Công ty hợp tác với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm trong việc khai thác tài sản là quyền thu phí của dự án Xa lộ Hà Nội, đồng thời thông qua hợp đồng số 09/2023/HĐ-KBTT ngày 5 tháng 5 năm 2023. Theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Xa lộ Hà Nội cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm.

Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành nghị quyết cho phép Công ty hợp tác với Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII trong việc khai thác tài sản là quyền thu phí của dự án Trung Lương – Mỹ Thuận, đồng thời thông qua hợp đồng số 253/2023/HĐ-CEE.CII B&R ngày 5 tháng 9 năm 2023. Theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Trung Lương – Mỹ Thuận cho Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII.

Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành nghị quyết cho phép Công ty hợp tác với Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ trong việc khai thác tài sản là quyền thu phí của dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (dự án Ninh Thuận 2), đồng thời thông qua hợp đồng số 1509/2023/HĐ-OBI.CII B&R ngày 15 tháng 9 năm 2023. Theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Ninh Thuận 2 cho Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	89%	89%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án xây dựng cầu Rạch Miếu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60. tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
9. Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	Tỉnh Bình Dương	66,667%	66,667%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán báo cáo tài chính Quý 4/2023 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm phí cam kết rút vốn vay và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	365.364.985.966	6.422.587.227
Các khoản tương đương tiền	11.500.000.000	31.400.000.000
Cộng	376.864.985.966	37.822.587.227

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để phong tỏa bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1,5 tỷ đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (i)	5.077.324.945	30.041.154.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.482.780.198
Các khách hàng khác	9.768.622.966	9.821.506.758
Cộng	28.374.208.850	53.390.922.337
<i>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.724.726.521	1.810.378.320
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.398.286.511	1.096.638.889
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	198.209.000
Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	304.027.840	297.294.358
Công ty CII	-	24.988.350.000
Cộng	5.077.324.945	30.041.154.640

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Các nhà cung cấp khác	-	19.800.000
Cộng	850.000.000	869.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
<i>Phải thu bên khác không phải là bên liên quan</i>	-	231.425.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	231.425.250.000
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	499.242.995.632	158.500.378.040
Công ty CII	499.242.995.632	139.500.378.040
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	19.000.000.000
Cộng ngắn hạn	499.242.995.632	389.925.628.040
b. Phải thu dài hạn		
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	385.680.000.000	261.080.000.000
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	378.980.000.000	256.880.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	6.700.000.000	4.200.000.000
Cộng dài hạn	385.680.000.000	261.080.000.000
Tổng Cộng	884.922.995.632	651.005.628.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay (tiếp theo)

Thông tin chi tiết các khoản phải thu về cho vay

Bên vay	Số dư cuối kỳ	Thời hạn cho vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất cho vay	Mục đích cho vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	499.242.995.632	3 năm	03/08/2026 hoặc có thể trả trước hạn khi 2 bên thỏa thuận và sắp xếp được nguồn trả nợ.	11%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV B.O.T Tĩnh Ninh Thuận	378.980.000.000	5 năm	25/11/2025	10,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	6.700.000.000	5 năm	19/03/2026	8,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	788.195.192.955	543.625.051.049
Phải thu tiền bổ sung vốn trong dự án Trung Lương Mỹ Thuận	154.753.800.000	
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	9.446.139.600	197.854.783.435
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc</i>	-	185.193.491.809
<i>Phải thu lãi cho vay</i>	9.426.610.833	12.617.148.613
<i>Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng</i>	19.528.767	44.143.013
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Phụ cấp Hội đồng thành viên	-	2.130.000.000
Các khoản chi hộ	-	212.536.871
Phải thu người lao động	105.725.502	-
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	462.327.161	466.625.841
Cộng	963.409.788.728	754.735.600.706
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	788.195.192.955	543.625.051.049
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	131.164.623.542	108.423.551.854
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	401.303.533.507	281.782.929.178
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	255.727.035.906	153.418.570.017
<i>Phải thu lãi từ các hợp đồng hỗ trợ vốn</i>	9.426.610.833	12.617.148.613
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	9.426.610.833	12.617.148.613
Các khoản phải thu khác	154.753.800.000	2.130.000.000
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.753.800.000	
Khoản phải thu phụ cấp HĐTV của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	-	600.000.000
Khoản phải thu phụ cấp HĐTV của Công ty TNHH Đầu Tư Cổ Chiên	-	1.530.000.000
Cộng	952.375.603.788	558.372.199.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023		01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.804.269.724	-	(22.804.269.724)	22.857.153.516	1.693.348.003
Trả trước cho người bán ngắn hạn	850.000.000	-	(850.000.000)	869.800.000	(869.800.000)
Phải thu ngắn hạn khác	10.888.475.351	-	(10.888.475.351)	10.904.798.064	(10.904.798.064)
Cộng	34.542.745.075	-	(34.542.745.075)	34.631.751.580	1.693.348.003
					(32.938.403.577)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Số đầu năm	(32.938.403.577,0)	(22.861.378.052)
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	(1.693.348.003,0)	463.021.533
Hoàn nhập dự phòng trong năm	89.006.505	-
Xóa nợ khó đòi trong kỳ	(34.542.745.075)	(22.398.356.519)
Số cuối năm	(34.542.745.075)	(22.398.356.519)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	490.268.859	-	17.298.527.842	-
Chi phí đầu tư các dự án B. O. T chưa khai thác	-	-	16.805.030.618	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	490.268.859	-	493.497.224	-
Cộng	490.268.859	-	17.298.527.842	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	854.759.656	-	2.257.284.915	104.126.400	3.216.170.971
Mua trong kỳ	689.488.888	460.370.000	2.307.273.482	-	3.457.132.370
Thanh lý, nhượng bán			(191.876.325)		(191.876.325)
Tại ngày 31/12/2023	1.544.248.544	460.370.000	4.372.682.072	104.126.400	6.481.427.016
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2023	804.805.200	-	1.922.490.750	34.465.568	2.761.761.518
Khấu hao trong kỳ	35.866.689	38.364.165	301.850.866	34.708.800	410.790.520
Thanh lý, nhượng bán			(191.876.325)		(191.876.325)
Tại ngày 31/12/2023	840.671.889	38.364.165	2.032.465.291	69.174.368	2.980.675.713
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	49.954.456	-	334.794.165	69.660.832	454.409.453
Tại ngày 31/12/2023	703.576.655	422.005.835	2.340.216.781	34.952.032	3.500.751.303

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.726.044.954 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: 955.566.734 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

	31/12/2023				01/01/2023			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	137.312.319	1.863.927.013.365	-	(i)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	(i)	94.350.000	943.500.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-	(i)		607.325.833.333	-	(i)
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	-	(i)	28.700.000	335.996.028.454	-	(i)
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	(i)		242.278.623.284	-	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	(i)	21.998.000	219.980.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		106.590.000.000	-	-		106.590.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII (iii)	2.000.000	20.000.000.000	-	(i)		-	-	(i)
Cộng		4.339.597.498.436				2.455.670.485.071		
b. Đầu tư vào công ty liên doanh								
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận					77.141.770	831.072.077.286	-	(i)
Cộng						831.072.077.286		

(i) Giá trị hợp lý của các công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

- (ii) Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng số cổ phần tương đương với 39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tuấn Lộc, nâng tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ 50% lên 89%, theo đó, Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ công ty liên doanh trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.
- (iii) Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận việc Công ty tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII ("CIIBR O&M"), (tên cũ là Công ty TNHH Dịch vụ MCSC) với số tiền 20 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 66,67% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty CIIBR O&M trở thành công ty con của Công ty từ quý 3 năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.675.003	1.693.672.570
Cộng	19.675.003	1.693.672.570
b. Dài hạn		
Cải tạo kho An Dương Vương	1.703.851.512	3.262.304.606
Hệ thống máy lạnh VP An Dương Vương	120.630.908	325.945.452
Cộng	1.824.482.420	3.588.250.058
Cộng	1.844.157.423	5.281.922.628

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (i)	159.623.301.802	159.623.301.802	160.312.149.532	160.312.149.532
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.136.146.416	2.136.146.416	1.898.914.016	1.898.914.016
Cộng	173.482.957.662	173.482.957.662	173.934.572.992	173.934.572.992

(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan

Công ty CII (ii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	850.000.000	850.000.000	1.538.847.730	1.538.847.730
Cộng	159.623.301.802	159.623.301.802	160.312.149.532	160.312.149.532

(i) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khách hàng khác	1.858.295.949	1.215.148.778
Cộng	464.708.675.949	464.065.528.778
Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan		
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	458.961.171	-
Cộng	463.309.341.171	462.850.380.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

- (i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty đang sở hữu.

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	488.023.910	-	1.841.860	489.865.770
Cộng	1.665.455.465	-	1.841.860	1.667.297.325
b. Phải nộp				
Thuế đất	-	840.903.768	840.903.768	-
Thuế thu nhập cá nhân	262.829.834	1.145.116.316	1.168.657.876	239.288.274
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	262.829.834	1.990.020.084	2.013.561.644	239.288.274

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	564.005.323	631.347.984
Cộng	564.005.323	631.347.984

16. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn		
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư (i)	219.980.000.000	122.414.311.928
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	109.549.509.355	84.714.509.355
Cổ tức phải trả	385.709.530.000	-
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	348.991.439	66.228.986.167
Thù lao Hội đồng quản trị	2.565.620.605	2.565.620.921
Các khoản phải trả khác	6.647.000	6.647.000
	718.160.298.399	300.918.425.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. Phải trả khác (tiếp theo)

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
b. Phải trả dài hạn		
Khoản phải trả tiền ứng trước lợi nhuận trong tương lai (iii)	2.264.683.658.739	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII		93.751.029.322
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư		
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	8.830.000.000
	2.271.983.658.739	102.581.029.322
Tổng Cộng	2.990.143.957.138	403.499.454.693
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iii.1)	892.804.343.670	
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII (iii.2)	756.878.767.123	
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ (iii.3)	615.000.547.946	
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (ii)	109.549.509.355	84.714.509.355
Công ty CII	211.860.675.439	159.980.015.489
Công ty CPĐT và PT Xây dựng Ninh Thuận (i)	219.980.000.000	122.414.311.928
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Cộng	2.806.073.843.533	392.097.186.772

- (i) Đây là khoản thu hồi vốn góp đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất thu phí, quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.
- (ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
- (iii.1) Số dư thể hiện khoản tiền đã nhận và chi phí phát sinh từ Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Xa Lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ giá chuyển nhượng. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.
- (iii.2) Số dư thể hiện khoản tiền đã nhận và chi phí phát sinh từ Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII (CEE) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Trung Lương - Mỹ Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm 6 tháng kể từ ngày Công ty CEE thanh toán đầy đủ giá chuyển nhượng. Theo hợp đồng, CEE sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.
- (iii.3) Số dư thể hiện khoản tiền đã nhận và chi phí phát sinh từ Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ (OBI) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Ninh Thuận 2. Thời hạn của hợp đồng là 7 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ giá chuyển nhượng. Theo hợp đồng, OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Công ty CII	18.123.106.146	18.123.106.146	806.948.754.373	1.058.879.141.378	270.053.493.151	270.053.493.151
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>)	323.682.300.319	323.682.300.319	-	-	69.105.000.000	69.105.000.000
Cộng	341.805.406.465	341.805.406.465	806.948.754.373	1.058.879.141.378	339.158.493.151	339.158.493.151
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành Công ty CII	323.682.300.319	323.682.300.319	-	69.105.000.000	392.787.300.319	392.787.300.319
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(323.682.300.319)	(323.682.300.319)	-	57.026.449.681	57.026.449.681	57.026.449.681
Cộng	0	0	-	126.131.449.681	380.708.750.000	380.708.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty CII	9.123.106.146	3 năm	21/07/2024	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
	1.000.000.000	9 năm	13/04/2024	Lãi suất trong năm là 11,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
	8.000.000.000	1 năm	13/04/2024	Lãi suất trong năm là 11,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
	18.123.106.146					

Vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	323.682.300.319	8 năm	29/07/2028. Ngày 03/01/2024 công ty sắp xếp được nguồn tiền và đã tất toán trước hạn khoản vay này.	Thả nổi, lãi suất trong năm là 11,65%-13,05%	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13/04/2015	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Lịch thanh toán các khoản vay dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	323.682.300.319	69.105.000.000
Trong năm thứ hai	-	77.026.449.681
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	205.000.000.000
Sau năm năm	-	98.682.300.319
Cộng	323.682.300.319	449.813.750.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(323.682.300.319)	(69.105.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	-	380.708.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	81.310.130.378	815.476.659.102	2.828.992.187.576
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	267.499.936.771	267.499.936.771
Chia cổ tức	-	-	-	(77.141.906.000)	(77.141.906.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.902.820.107	(9.902.820.107)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.980.564.021)	(1.980.564.021)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(3.555.902.921)	(3.555.902.921)
Tại ngày 31/12/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	990.395.402.824	3.013.813.751.405
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	990.395.402.824	3.013.813.751.405
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	279.089.304.761	279.089.304.761
Chia cổ tức	-	-	-	(308.567.624.000)	(308.567.624.000)
Cổ tức phải trả trong kỳ	-	-	-	(385.709.530.000)	(385.709.530.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.674.999.368)	(2.674.999.368)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.337.499.684)	(1.337.499.684)
Tại ngày 31/12/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	571.195.054.533	2.594.613.403.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2023 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ tối thiểu 8% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty.

Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2022 cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ dự kiến là 16%.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Doanh thu thi công, lắp đặt và khác	(43.705.459)	1.115.195.402
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.901.506.443	6.476.403.094
Cộng	7.857.800.984	7.591.598.496

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	2.065.826.437	2.165.279.886
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	2.357.370.540	2.131.740.945
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	709.090.911	261.818.184
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	897.021.047	897.510.975
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	136.363.636	272.727.272
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.179.679.656	1.003.895.402
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	495.833.872	651.325.832
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro	40.000.000	-
Cộng	7.881.186.099	7.384.298.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Giá vốn hoạt động thi công, lắp đặt và khác		111.300.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.177.093.950	5.151.690.195
Cộng	5.177.093.950	5.262.990.195

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	349.342.453.247	307.864.555.726
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.831.225.596	62.706.473.875
Cộng	430.173.678.843	370.571.029.601

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	349.342.453.247	307.864.555.726
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	160.851.915.670	125.240.063.414
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	86.182.071.688	90.264.500.772
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	102.308.465.889	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	92.359.991.540
Lãi cho vay hỗ trợ vốn	58.970.318.768	33.874.324.768
Công ty CII	23.636.802.475	12.856.269.461
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	34.275.469.720	17.451.808.335
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	223.808.217	352.800.002
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	834.238.356	359.178.082
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	2.685.880.555
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	69.221.667
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)	-	99.166.666
Cộng	408.312.772.015	341.738.880.494

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Chi phí lãi vay	139.267.674.707	84.519.886.413
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty	-	3.459.988.135
Cộng	139.267.674.707	87.979.874.548
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan		
Công ty CII	30.914.019.455	32.944.507.131
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	39.980.061.369	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII	6.878.767.123	-
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	1.000.547.946	-
Cộng	78.773.395.893	32.944.507.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.963.652.545	3.272.364.396
Chi phí đồ dùng văn phòng	555.410.523	757.193.671
Chi phí khấu hao	1.623.211.889	12.018.772
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.693.348.003	10.077.025.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.103.077.506	2.790.007.771
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.649.615.034	829.116.448
Cộng	14.588.315.500	17.737.726.583

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	279.089.304.761	267.499.936.771
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	63.904.967	585.136.141
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(349.342.453.247)	(307.864.555.726)
Thu nhập chịu thuế	(70.189.243.519)	(39.779.482.814)
Thu nhập tính thuế	(70.189.243.519)	(39.779.482.814)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	1.052.854.936.079	-
Chi đầu tư vào công ty liên doanh	-	3.896.453.288
	1.052.854.936.079	3.896.453.288
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	-
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	2.362.510.000.000	3.600.000.000
	2.362.510.000.000	3.600.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	69.105.000.000	61.593.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	1.058.879.141.378	-
	1.127.984.141.378	61.593.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu Đường CII (i)	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (iii)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật En Vi Ro (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hạ Tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn

- (i) Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận việc Công ty tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII ("CIIBR O&M"), (tên cũ là Công ty TNHH Dịch vụ MCSC) với số tiền 20 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 66,667% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty CIIBR O&M trở thành công ty con của Công ty từ quý 3 năm nay.
- (ii) Từ ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty CII đã thoái vốn một phần dẫn đến mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Công ty SII). Do đó, Công ty SII và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.
- (iii) Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng số cổ phần tương đương với 39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tuấn Lộc, nâng tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ 50% lên 89%, theo đó, Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ công ty liên doanh trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)		
Chi trả cổ tức trong năm	169.146.947.200	42.268.936.800
Nhận tiền hỗ trợ vốn	106.000.000.000	3.600.000.000
Thu hồi công nợ thuê kho		379.155.000
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	416.500.000.000	82.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	56.757.382.408	40.701.150.903
Chuyển trả nợ gốc vay	1.058.879.141.378	
Chuyển trả nợ lãi vay	191.350.858.622	
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền gốc theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản	892.510.000.000	
Chuyển trả theo hợp đồng chuyển nhượng	39.685.717.699	
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII		
Nhận tiền gốc theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản	750.000.000.000	
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền gốc theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản	614.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn		5.943.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn		409.706.042
Thanh toán chi phí dịch vụ khảo sát lưu lượng xe	688.847.730	780.217.000
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn		3.000.000.000
Thu tiền gốc và lãi hỗ trợ vốn		3.099.166.666
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		
Chuyển tiền góp vốn	106.283.800.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	41.331.311.341	
Thu tiền hợp đồng dịch vụ đối soát	984.000.000	
Thu tiền thi công dự án	-	438.958.511
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	8.000.000.000	19.000.000.000
Thu hồi gốc và lãi hỗ trợ vốn	27.834.238.356	677.178.082
Thu tiền cho thuê văn phòng	542.140.636	704.536.512
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII		
Chuyển tiền góp vốn	20.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận tiền cổ tức		6.501.839.644
Nhận trước tiền vốn chủ sở hữu	97.565.688.072	110.718.633.156
Thu hồi tiền gốc và lãi hỗ trợ vốn		42.185.880.555
Thu tiền cho thuê xe, thuê văn phòng và khác	2.915.678.819	2.142.911.457
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	122.100.000.000	152.200.000.000
Thu lãi hỗ trợ vốn	37.466.007.500	4.834.659.722
Thu tiền cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	969.134.013	672.562.949
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Thu tiền cổ tức được chia	63.441.000.000	108.422.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	24.835.000.000	17.293.000.000
Thu tiền phụ cấp thành viên	600.000.000	
Thu tiền thuê VP	150.000.000	297.272.727
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	4.500.000.000	
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	2.000.000.000	-
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	223.808.217	352.800.002
Thu tiền cho thuê xe, thuê văn phòng và khác	2.652.092.891	1.814.920.080
Thu tiền bán hàng và thu khác		-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Thu tiền phụ cấp thành viên góp vốn	1.530.000.000	-
Hoàn trả tiền phụ cấp thành viên góp vốn	1.530.000.000	
Thu tiền cho thuê văn phòng và thu khác	772.363.637	283.418.184
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro		
Thu tiền cho thuê văn phòng	44.000.000	-

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.708.279.175	1.587.032.778
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	926.695.057	943.444.094
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2023)	203.153.187	432.439.104
Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	631.610.118	573.787.317
Cộng		3.469.737.537	3.536.703.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao đã chi trả cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	200.625.000	148.542.300
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	160.500.000	248.313.840
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	133.750.000	99.028.200
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	133.750.000	66.018.800
Ông Dương Trường Hải	Thành viên	133.750.000	99.028.200
Ông Phạm Thế Chinh	Thành viên		33.009.400
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên		35.966.667
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	133.750.000	170.961.533
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	133.750.000	170.961.533
Cộng		1.029.875.000	1.071.830.473
Ban Kiểm soát			
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát	107.000.000	79.222.560
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	80.250.000	59.416.920
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	80.250.000	59.416.920
Cộng		267.500.000	198.056.400

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 30 tháng 11 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thống nhất chi trả cổ tức năm 2020, năm 2022 và một phần cổ tức của năm 2023 với tỷ lệ 20% với hình thức chi trả bằng tiền mặt và ngày 18/01/2024, công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức thành công theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã thông qua.
- Ngày 03/01/2024 Công ty đã sắp xếp được nguồn tài chính để chi trả trước hạn toàn bộ số dư nợ vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành.


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024